

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-PT  
Ngày: 14 - 01 - 2021  
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Hoàng Khải.

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Trung Hiếu.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Hà Thúy Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 539/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 662/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1946; (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã D, A, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà B:* Anh Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1997; Địa chỉ: số nhà 1/5B khu phố 1, Phường 5, A, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền số 551 ngày 23/7/2020) (vắng mặt)

**- Bị đơn:** Bà Võ Thị J, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp Mỹ Hòa, xã I, A, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà J:* Ông Võ Huy K, sinh năm 1955; Địa chỉ: F, phường 1, A, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền chứng thực số 313 ngày 20/10/2020) (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị G, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã I, A, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Võ Thị J.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày:*

Năm 2011, bà có tham gia góp hụi của dây hụi 02 chỉ vàng 24K do bà Võ Thị J làm chủ thảo, mỗi năm khai 03 lần, dây hụi gồm 24 phần, mở khai vào vụ lúa Đông Xuân năm 2011 (gọi là dây hụi số 7), bà tham gia góp 02 phần. Bà góp đến kỳ khai hụi thứ 16 thì được hốt (lĩnh) hụi 01 phần với số vàng 32 chỉ vàng 24K, 01 phần còn lại chưa được hốt (lĩnh) hụi, đến kỳ thứ 17 thì bà Võ Thị J ngưng mở khai hụi, nhưng không giao vàng hụi mà bà được hốt cho bà. Bà yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị J trả số nợ hụi 01 phần hụi mà bà được lĩnh là 32 chỉ vàng 24K (02 chỉ x 16 kỳ).

*\* Bị đơn Võ Thị J trình bày:*

Bà thừa nhận bà Nguyễn Thị B có tham gia góp hụi của dây hụi như bà B đã trình bày. Bà B tham gia góp 02 phần, phần thứ 1 bà B đã bốc thăm và được lĩnh hụi vào kỳ thứ 15, bà đã giao số vàng hụi đầy đủ cho bà B xong. Đối với phần thứ 2, dây hụi mở khai đến kỳ thứ 17 thì bà B bốc thăm và được quyền lĩnh hụi với số vàng 32 chỉ vàng 24K (16 kỳ x 02 chỉ vàng 24K). Tuy nhiên dây hụi cũng ngưng mở khai vì các hụi viên không góp hụi (bể hụi). Phần hụi thứ 2 này, bà B chỉ góp được 14 kỳ, kỳ thứ 15 và 16 thì bà B chưa góp. Trong số nợ hụi 32 chỉ vàng 24K mà bà B khởi kiện, bà B chưa đóng 02 kỳ (kỳ thứ 15 và thứ 16) là 01 chỉ vàng 24K (02 kỳ x 0,5 chỉ vàng 24K), bà đã trả 01 chỉ vàng 24K, cần trừ nợ sang Trần Thị G là 10 chỉ vàng 24K. Bà chấp nhận trả cho bà Nguyễn Thị B số vàng mà bà ấy đã góp vào vì hụi bị ngưng mở khai (bể hụi) và cần trừ vào số vàng hụi mà bà và bà Trần Thị G đã trả.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị G trình bày:*

Bà và bà Nguyễn Thị B cùng là hụi viên tham gia góp hụi do bà Võ Thị J làm chủ thảo. Bà xác định ý kiến trình bày của bà Võ Thị J là đúng. Trước đây, bà trả cho bà B 10 chỉ vàng 24K là vì bà thiếu nợ bà J nên cần trừ sang. Bà J nợ vàng hụi bà B thì có trách nhiệm trả nợ, không liên quan đến bà (vì bà đã trả 10 chỉ vàng 24K).

- Bản án sơ thẩm số: 68/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 26, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Võ Thị J có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số nợ 20 chỉ vàng 24kr.

\* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 13/10/2020, bị đơn bà Võ Thị J kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 68/2020/DSST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, cần trừ số vàng bà B nợ hui chết trong phần thứ 2 là 14 chỉ vàng, bà đồng ý trả cho bà B 06 chỉ vàng 24kr.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Huy K là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị J vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Thành đại diện theo ủy quyền của bà B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không có sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Bà Võ Thị J thừa nhận còn nợ tiền hui của bà Nguyễn Thị B là 20 chỉ vàng 24kr nên Tòa sơ thẩm buộc bà J trả là có cơ sở. Bà J kháng cáo yêu cầu trừ tiền hui chết bà B phải đóng 14 chỉ vàng 24kr là không phù hợp vì không có yêu cầu phản tố tại cấp sơ thẩm, nếu sau này có tranh chấp bà J được quyền khởi kiện. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo bà J, giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Bị đơn Võ Thị J đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị B ủy quyền cho anh Nguyễn Hoàng E, bà Võ Thị J ủy quyền cho ông Võ Huy K làm người đại diện tham gia tố tụng, việc ủy quyền được thực hiện đúng quy định tại Điều 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự. Về người tham gia tố tụng Nguyễn Hoàng E, Trần Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Thành, chị Phượng.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hui được tòa sơ thẩm xác định tranh chấp nợ hui là đúng với tính chất của vụ án

và thuộc phạm vi, thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định tại các Điều 290, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nội dung tranh chấp: Bà B và bà J thống nhất thừa nhận: Năm 2011, bà B có tham gia góp hụi do bà J làm chủ. Dây hụi 02 chỉ vàng 24kr, mỗi năm khai 3 lần, gồm 24 phần, bà B tham gia 02 phần. Đối với phần 1 thì bà B đã hốt đủ nên không tranh chấp. Đối với phần 2 thì đến kỳ mở khai thứ 16 thì bà B được hốt 32 chỉ vàng 24kr nhưng do bà B chưa đóng 2 kỳ nên cần trừ 01 chỉ, bà J đưa trực tiếp 01 chỉ, đồng thời bà B đồng ý cho chị Phượng mượn 10 chỉ vàng 24kr để cần trừ số vàng chị Phượng nợ bà J nên còn nợ lại 20 chỉ vàng 24kr. Kỳ khai thứ 17 bà J tuyên bố bể hụi nên chưa giao số vàng còn lại cho bà B. Do đó, bà B yêu cầu bà J trả số vàng còn nợ là 20 chỉ.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B buộc bà J trả 20 chỉ vàng 24kr.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bà J kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, yêu cầu trừ 07 kỳ hụi chết của phần 2 cho đến khi mãn hụi trong dây hụi là 14 chỉ vàng 24kr, còn lại 06 chỉ vàng bà đồng ý trả cho bà B.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị J, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Các đương sự thừa nhận bà B có tham gia dây hụi vàng do bà J làm chủ và bà B được lĩnh hụi 32 chỉ vàng 24kr nhưng bà J chưa giao cho bà B nên bà B khởi kiện yêu cầu bà J trả là có căn cứ phù hợp khoản 3 Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường (gọi tắt Nghị định 144). Tại tòa sơ thẩm (bút lục 60) và tại tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận, bà B còn nợ kỳ 15, 16 của phần thứ 2 dây hụi vàng năm 2011 là 01 chỉ vàng 24kr, bà J đã trả trực tiếp 01 chỉ vàng 24kr và chị Trần Thị G mượn của bà B 10 chỉ vàng 24kr (cần trừ nợ bà J) nên thống nhất bà J còn nợ lại bà B là 20 chỉ vàng 24kr. Do đó, Tòa sơ thẩm xử buộc bà J trả cho bà B 20 chỉ vàng 24kr là có căn cứ.

[4.2] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà J cho rằng sau khi hốt hụi bà B không đóng hụi chết để đóng cho hụi viên chưa hốt. Đồng thời theo quy định của Bộ luật dân sự, thì sau khi hốt hụi, hụi viên có nghĩa vụ đóng lại hụi chết cho chủ hụi. Do đó, bà B phải có nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà J đối với 07 kỳ còn lại là 14 chỉ vàng 24kr, cần trừ nợ 20 chỉ vàng 24kr còn lại 06 chỉ vàng, bà J đồng ý trả còn phần hụi bà B hốt nhưng chưa đóng hụi chết số vàng 18 chỉ bà J sẽ kiện sau. Xét thấy, yêu cầu này của bà J không thể chấp nhận được vì tại cấp sơ thẩm bà J không yêu cầu phản tố đối với phần hụi chết này và cũng không tạm ứng án phí để Tòa sơ thẩm xem xét giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cũng không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Nếu bà J có yêu cầu đòi bà B trả các phần hụi chết bà B chưa đóng thì được quyền khởi kiện vụ án khác để được xem xét giải quyết theo luật định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà J, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bà J là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên bà được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nội dung nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật  
Tổ tụng Dân sự.

**Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị J.**

Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 290, 479 Bộ luật dân sự 2005; khoản 3 Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

### 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Võ Thị J có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số nợ 20 chỉ vàng 24kr.

## 2. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Võ Thị J.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND A;
- Chi cục THADS A;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**Mai Hoàng Khải**